

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG
GIAO THÔNG VẬN TẢI**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông Vận tải (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm 2011 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Văn Hạp	Chủ tịch
Ông Nguyễn Tiến Công	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Bạch Diệp	Thành viên
Ông Phạm Minh Huân	Thành viên
Bà Đào Thị Hạnh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đỗ Văn Hạp	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Công	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tất Vinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Thanh Hiền	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Thiện Cảnh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Bạch Diệp	Kế toán trưởng

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính, có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Đỗ Văn Hật

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2012

Số: /2012/ UHY - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông Vận tải
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông Vận tải

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông Vận tải (sau đây gọi tắt là “Công ty”) gồm: Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2011 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Báo cáo tài chính của Công ty được lập ngày 16 tháng 02 năm 2012, trình bày từ trang 05 đến trang 22 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc ở trang 2 và 3, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Tuy nhiên, công việc kiểm toán của chúng tôi bị hạn chế bởi vấn đề sau:

Hạn chế do chưa thống nhất trong xử lý kế toán:

Tại ngày 31/12/2011, Công ty chưa thực hiện trích lập đầy đủ dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu quá hạn thanh toán, số dự phòng ước tính cần trích lập là: 2.497.380.308 đồng.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các hạn chế nêu trên, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông Vận tải tại ngày 31/12/2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Nguyễn Tự Trung
Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1226/KTV

Nguyễn Thị Phương Thảo
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0933/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY (UHY LTD)
Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		69.228.380.672	50.484.565.209
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.847.105.110	5.265.364.705
Tiền	111	4	2.847.105.110	5.265.364.705
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		41.484.602.385	21.869.093.227
Phải thu khách hàng	131		35.325.008.911	12.733.587.680
Trả trước cho người bán	132		6.144.615.989	5.501.438.763
Phải thu nội bộ	133		1.035.583.761	772.462.594
Các khoản phải thu khác	135	5	156.723.381	3.678.335.818
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(1.177.329.657)	(816.731.628)
Hàng tồn kho	140		23.560.014.450	20.952.002.578
Hàng tồn kho	141	6	23.560.014.450	20.952.002.578
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.336.658.727	2.398.104.699
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		125.574.303	16.899.130
Tài sản ngắn hạn khác	158	7	1.211.084.424	2.381.205.569
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		56.804.326.343	51.547.208.849
Tài sản cố định	220		16.593.812.688	11.173.819.260
Tài sản cố định hữu hình	221	8	16.380.692.847	9.826.008.995
- Nguyên giá	222		31.942.632.406	23.523.107.349
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.561.939.559)	(13.697.098.354)
Tài sản cố định vô hình	227	9	4.415.477	11.498.184
- Nguyên giá	228		402.154.200	402.154.200
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(397.738.723)	(390.656.016)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	208.704.364	1.336.312.081
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		39.624.000.000	39.624.000.000
Đầu tư vào công ty con	251	11	39.624.000.000	39.624.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		586.513.655	749.389.589
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	586.513.655	749.389.589
TỔNG TÀI SẢN	270		126.032.707.015	102.031.774.058

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		91.186.367.784	78.292.243.032
Nợ ngắn hạn	310		90.199.360.012	77.199.049.242
Vay và nợ ngắn hạn	311	13	23.191.789.286	17.827.539.829
Phải trả người bán	312		10.573.146.770	9.598.756.497
Người mua trả tiền trước	313		26.883.190.898	30.737.185.796
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	5.874.031.166	2.026.031.541
Phải trả người lao động	315		12.271.393.816	-
Phải trả nội bộ	317		971.649.800	780.940.385
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn	319	15	10.245.274.295	15.643.129.902
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		188.883.981	585.465.292
Nợ dài hạn	330		987.007.772	1.093.193.790
Vay và nợ dài hạn	334	16	12.560.000	192.560.000
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		974.447.772	900.633.790
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		34.846.339.231	23.739.531.026
Vốn chủ sở hữu	410	17	34.601.929.841	23.337.212.187
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		20.295.890.000	17.200.000.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(3.828.256.733)
Quỹ đầu tư phát triển	417		897.094.707	3.992.984.707
Quỹ dự phòng tài chính	418		545.596.120	545.596.120
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		12.863.349.014	5.426.888.093
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		244.409.390	402.318.839
Nguồn kinh phí	432	18	244.409.390	402.318.839
TỔNG NGUỒN VỐN	440		126.032.707.015	102.031.774.058

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)			1.132.736.557	1.132.736.557
Ngoại tệ các loại			-	-
- USD			337,35	209,16
- EURO			13,63	2,58
- YEN			22,647	22,647

Đỗ Văn Hạng
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2012

Nguyễn Thị Bạch Diệp
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	107.520.569.014	85.809.255.957
Các khoản giảm trừ doanh thu	03		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		107.520.569.014	85.809.255.957
Giá vốn hàng bán	11	20	63.374.437.827	60.297.134.620
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		44.146.131.187	25.512.121.337
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	481.239.420	478.938.141
Chi phí tài chính	22	22	7.752.848.227	1.684.031.281
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		3.430.126.762	238.761.631
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		26.960.894.557	18.073.218.719
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.913.627.823	6.233.809.478
Thu nhập khác	31		50.599.000	108.554.545
Chi phí khác	32		46.009.989	140.206.202
Lợi nhuận khác	40		4.589.011	(31.651.657)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.918.216.834	6.202.157.821
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	2.481.755.913	775.269.728
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7.436.460.921	5.426.888.093
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	4.015	3.155

Đỗ Văn Hật
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2012

Nguyễn Thị Bạch Diệp
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		90.446.518.182	71.077.913.476
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2		(48.155.372.329)	(38.822.129.597)
Tiền chi trả cho người lao động	3		(39.971.049.791)	(41.519.407.838)
Tiền chi trả lãi vay	4		(3.278.668.644)	(238.761.631)
Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	5		(530.000.000)	(750.000.000)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		9.869.624.350	16.161.557.592
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(14.253.189.242)	(38.076.672.869)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(5.872.137.474)	(32.167.500.867)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(7.139.028.282)	(4.453.320.574)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		50.599.000	82.128.826
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(450.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		5.000.000.000	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		481.239.420	478.938.141
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.607.189.862)	(4.342.253.607)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		37.783.747.586	13.050.099.859
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(32.721.263.253)	(10.030.000.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(2.264.252.440)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		5.062.484.333	755.847.419
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(2.416.843.003)	(35.753.907.055)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	5.265.364.705	41.019.271.760
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.416.592)	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	2.847.105.110	5.265.364.705

Đỗ Văn Hật
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2012

Nguyễn Thị Bạch Diệp
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông Vận tải được chuyển đổi trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Tư vấn Đầu tư và Xây dựng - đơn vị trực thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam theo Quyết định số 2834/QĐ-BGTVT ngày 15 tháng 8 năm 2005 và Quyết định 4382/QĐ-BGTVT ngày 18 tháng 11 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100104570, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 28 tháng 09 năm 2011 (chuyển đổi từ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103010328 ngày 16 tháng 12 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp).

Công ty có trụ sở chính tại số 26, ngõ 371, phố Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội. Công ty có các thông tin về các Chi nhánh như sau:

Tên chi nhánh

Chi nhánh Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Xây dựng
Giao thông Vận tải

Chi nhánh Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Xây dựng
Giao thông Vận tải: Xí nghiệp Tư vấn Đầu tư và Xây
dựng Cơ khí Công trình

Chi nhánh Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Xây dựng
Giao thông Vận tải: Xí nghiệp Tư vấn Đầu tư và Xây
dựng Thông tin tín hiệu

Chi nhánh Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Xây dựng
Giao thông Vận tải: Xí nghiệp Tư vấn Đầu tư và Xây
dựng cầu hầm

Chi nhánh Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Xây dựng
Giao thông Vận tải: Xí nghiệp Tư vấn Đầu tư và Xây
dựng Khảo sát Công trình

Chi nhánh Công ty CP Tư vấn đầu tư và xây dựng
giao thông vận tải: Xí nghiệp Tư vấn đầu tư và xây
dựng công trình giao thông

Địa chỉ

Lầu 6, số 19 đường Tân Cảnh,
Phường 1, Quận Tân Bình, Thành
phố Hồ Chí Minh.

Số 26, ngõ 371, phố Kim Mã,
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba
Đình, Thành phố Hà Nội

Số 26, ngõ 371, phố Kim Mã,
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba
Đình, Thành phố Hà Nội

Số 26, ngõ 371, phố Kim Mã,
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba
Đình, Thành phố Hà Nội

Số 26, ngõ 371, phố Kim Mã,
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba
Đình, Thành phố Hà Nội

Số 26, ngõ 371, phố Kim Mã,
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba
Đình, Thành phố Hà Nội

Tại ngày 31/12/2011 số lượng cán bộ công nhân viên của Công ty là 397 người.

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

Tư vấn đầu tư và xây dựng các công trình giao thông gồm:

- Lập quy hoạch, báo cáo đầu tư, dự án đầu tư xây dựng công trình, mua sắm thiết bị, phương tiện vận tải;
- Khảo sát, thiết kế và lập tổng dự toán các công trình đường sắt và đường bộ (bao gồm: cầu, hầm, cống, đường, ga, trạm, hệ thống thông tin tín hiệu, xây dựng công nghiệp và dân dụng);
- Thiết kế, đóng mới, phục hồi, hoán cải đầu máy, toa xe, phương tiện thiết bị cơ khí chuyên dụng cho ngành đường sắt;
- Thẩm tra các báo cáo đầu tư và dự án đầu tư, thiết kế và dự toán công trình;
- Tư vấn kiểm định, tư vấn giám sát chất lượng thi công xây dựng các công trình giao thông; Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông; Tư vấn soạn thảo các quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành giao thông vận tải;
- Thi công xây dựng công trình thực nghiệm và các công trình ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mới;

Và các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Năm 2011 Công ty đã thay đổi chính sách ghi nhận đối với các khoản mục có phát sinh bằng ngoại tệ. Theo đó Công ty đã không áp dụng Thông tư 201/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá như năm 2010. Thay vào đó trong năm 2011 Công ty đã áp dụng Chuẩn mực kế toán số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái ban hành và công bố theo Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 của Bộ tài chính để ghi nhận đối với các khoản mục có phát sinh bằng Ngoại tệ.

Ngoài thay đổi trên các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính năm 2011 được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính năm 2010.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng khoản thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán hay các khó khăn tương tự.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian (năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 30
Máy móc, thiết bị	03 - 06
Phương tiện vận tải	08

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình là phần mềm thiết kế.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính của các tài sản cố định vô hình cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian (năm)
- Phần mềm thiết kế	05

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.8 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

Khoản đầu tư là đầu tư vào Công ty con mà Công ty có quyền kiểm soát trong việc ra quyết định về tài chính và hoạt động kinh doanh. Giá trị các khoản đầu tư của Công ty vào Công ty con được ghi nhận và phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo phương pháp giá gốc.

3.9 GHI NHẬN DOANH THU VÀ GIÁ VỐN

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu hoạt động quy hoạch, khảo sát, thiết kế:

Doanh thu hoạt động quy hoạch, khảo sát, thiết kế, lập luận chứng kinh tế kỹ thuật, tư vấn đầu tư xây dựng công trình giao thông được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp, có biên bản nghiệm thu, quyết toán và được khách hàng chấp nhận thanh toán.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác:

Doanh thu hoạt động cho thuê văn phòng, cho thuê ô tô được ghi nhận theo nội dung các điều khoản của hợp đồng thuê, thời gian cho thuê trong năm tài chính và được khách hàng chấp nhận thanh toán.

Doanh thu hoạt động tài chính:

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Giá vốn:

Chi phí giá vốn của Công ty được xác định bằng chi phí dở dang đầu kỳ cộng (+) chi phí phát sinh thực tế trong kỳ trừ (-) đi giá trị chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại thời điểm cuối năm tài chính được Công ty xác định là các chi phí trực tiếp (không bao gồm chi phí tiền lương và các khoản chi phí phân bổ) của các công trình/hạng mục công trình đang thực hiện, chưa hoàn thành và chắc chắn sẽ được nghiệm thu và thanh toán trong tương lai.

Chi phí tiền lương được xác định trên cơ sở doanh thu thực tế ghi nhận trong kỳ. Chi phí tiền lương năm 2011 của Công ty được tính trên cơ sở đơn giá tiền lương theo doanh thu ban hành theo Quyết định số 277/QĐ-QLKD ngày 27 tháng 07 năm 2011 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty.

3.10 NGOẠI TỆ

Năm 2011 Công ty thay đổi chính sách ghi nhận đối với các khoản mục có gốc ngoại tệ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” theo đó:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.10 NGOẠI TỆ (TIẾP)**

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Lợi nhuận phát sinh do đánh giá lại tỷ giá của các khoản công nợ, tiền mặt có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối.

3.11 THUẾ*Thuế giá trị gia tăng (VAT):*

Dịch vụ khảo sát, thiết kế, lập quy hoạch chịu thuế suất 10%
Sản phẩm chế thử, sản phẩm nghiên cứu, đề tài khoa học công nghệ chịu thuế suất 5%

Thuế thu nhập doanh nghiệp:

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành là 25%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	454.825.100	44.234.500
Tiền gửi ngân hàng	2.392.280.010	5.221.130.205
	2.847.105.110	5.265.364.705

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng	42.500.000	42.500.000
Phải thu người lao động tiền thuế TNCN	90.552.951	266.223.550
Tiền lương chi quá	-	3.369.612.268
Phải thu khác (*)	23.670.430	-
	156.723.381	3.678.335.818

(*) Là khoản bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp phải thu của người lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***6. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	17.981.800	30.683.400
Công cụ, dụng cụ	15.677.526	22.213.515
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	23.526.355.124	20.899.105.663
Cộng giá trị gốc của hàng tồn kho	23.560.014.450	20.952.002.578

7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tạm ứng	1.211.084.424	2.381.205.569
	1.211.084.424	2.381.205.569

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
01/01/2011	10.090.570.505	8.958.081.807	4.474.455.037	23.523.107.349
- Mua trong năm	4.032.374.684	1.903.877.807	2.827.927.566	8.764.180.057
- Đầu tư XD/CB hoàn thành		-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-		(344.655.000)	(344.655.000)
- Giảm khác	-		-	-
31/12/2011	14.122.945.189	10.861.959.614	6.957.727.603	31.942.632.406
HAO MÒN LŨY KẾ				
01/01/2011	(5.181.004.315)	(5.253.476.794)	(3.262.617.245)	(13.697.098.354)
- Khấu hao trong năm	(519.210.323)	(1.374.906.569)	(315.379.313)	(2.209.496.205)
- Thanh lý, nhượng bán	-		344.655.000	344.655.000
- Giảm khác	-		-	-
31/12/2011	(5.700.214.638)	(6.628.383.363)	(3.233.341.558)	(15.561.939.559)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
01/01/2011	4.909.566.190	3.704.605.013	1.211.837.792	9.826.008.995
31/12/2011	8.422.730.551	4.233.576.251	3.724.386.045	16.380.692.847

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2011 là: 9.252.857.992 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình là các Phần mềm thiết kế, nguyên giá là 402.154.200 đồng, giá trị còn lại tại ngày 31/12/2011 là: 4.415.477 đồng, giá trị hao mòn lũy kế là 397.738.723 đồng.

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Toà nhà 5 tầng	-	1.127.607.717
Toà nhà TRICC	208.704.364	208.704.364
	208.704.364	1.336.312.081

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	31/12/2011			01/01/2011		
	Số lượng	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu
Công ty CP Đầu tư phát triển hạ tầng và Thương mại tổng hợp	7.920	39.624.000.000	99%	7.920	39.624.000.000	99%
<i>Trong đó:</i>	-	-	-	-	-	-
- Mua 5.920 CP và 2.000 quyền góp vốn theo mệnh giá	5.920	37.624.000.000	-	5.920	37.624.000.000	-
- Mua 2.000 CP phổ thông	2.000	2.000.000.000	-	2.000	2.000.000.000	-
	7.920	39.624.000.000		7.920	39.624.000.000	

Ngày 10/12/2011, Đại hội cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Hạ tầng và Thương mại Tổng hợp đã quyết định chuyển nhượng 100% số cổ phần (8.000 cổ phần) của Công ty gắn với quyền sử dụng đất 2000m2 đất xây dựng công trình tại Lô CC3 – C Mỹ Đình, Từ Liêm. Toàn bộ số cổ phần của Công ty con sẽ chuyển nhượng cho cá nhân Ông Ngô Sỹ Quang.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chi phí CCDC và vật tư xuất dùng	562.607.776	749.389.589
Chi phí sửa chữa xe ô tô	23.905.879	-
	586.513.655	749.389.589

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay ngắn hạn	23.011.789.286	17.647.539.829
Trong đó:		
- Vay NHTMCP Công Thương Đồng Đa	8.070.789.286	6.597.539.829
- Vay cá nhân (*)	11.941.000.000	6.050.000.000
- Vay tổng Công ty Đường sắt Việt Nam (**)	3.000.000.000	5.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	180.000.000	180.000.000
	23.191.789.286	17.827.539.829

(*) Khoản vay cá nhân lãi suất thay đổi theo các thông báo lãi suất trong năm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông Vận tải. Lãi suất vay cá nhân bằng lãi suất vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.

(**) Khoản vay Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam theo Tờ trình số 198 ngày 15/08/2011, khoản vay không tính lãi 6 tháng kể từ ngày giải ngân và lãi suất từ tháng thứ 7 trở đi sẽ được xác định theo lãi suất thị trường hiện hành.

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế GTGT	3.839.938.722	1.863.377.972
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.034.092.444	82.336.531
Thuế thu nhập cá nhân	-	80.317.038
	5.874.031.166	2.026.031.541

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	1.351.485	62.260.026
Kinh phí công đoàn	497.539.391	190.983.559
Phải trả về cổ phần hoá	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	9.746.383.419	15.389.886.317
+ Đặt cọc mua cổ phần Công ty con	5.000.000.000	
+ Phải trả nhà thầu Nhật Bản		10.103.873.325
+ Phải trả nhà thầu trong nước	4.153.134.644	5.076.639.644
+ Phải trả khác	593.248.775	209.373.348
	10.245.274.295	15.643.129.902

16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Số dư khoản vay dài hạn là khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 01-2010/HĐTĐTH ngày 08/11/2010 giữa Chi nhánh Ngân hàng TMCP Công Thương Đồng Đa và Công ty CP Tư vấn Đầu tư Xây dựng Giao thông Vận tải; thời hạn vay là 27 tháng, gốc vay là: 402.560.000 đồng, số dư tiền vay dài hạn tại ngày 31/12/2011 là: 192.560.000 đồng, trong đó số dư nợ dài hạn đến hạn trả là: 180.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2010	17.200.000.000	(2.377.767.342)	3.630.790.019	364.498.776	3.621.946.882	22.439.468.335
- Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	5.426.888.093	5.426.888.093
- Trích lập quỹ năm 2009	-	-	362.194.688	181.097.344	(543.292.032)	-
- Chi trả cổ tức	-	-	-	-	(2.270.400.000)	(2.270.400.000)
- Trích lập quỹ khen thưởng	-	-	-	-	(808.254.850)	(808.254.850)
- Giảm khác	-	(1.450.489.391)	-	-	-	(1.450.489.391)
31/12/2010	17.200.000.000	(3.828.256.733)	3.992.984.707	545.596.120	5.426.888.093	23.337.212.187
01/01/2011	17.200.000.000	(3.828.256.733)	3.992.984.707	545.596.120	5.426.888.093	23.337.212.187
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	7.436.460.921	7.436.460.921
- Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu thưởng	3.095.890.000	-	-	-	-	3.095.890.000
- Giảm khác	-	(1.416.592)	(3.095.890.000)	-	-	(3.097.306.592)
- Tăng khác	-	3.829.673.325	-	-	-	3.829.673.325
31/12/2011	20.295.890.000	-	897.094.707	545.596.120	12.863.349.014	34.601.929.841

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)****17.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	9.945.040.000	8.428.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	10.350.850.000	8.772.000.000
	20.295.890.000	17.200.000.000

17.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	17.200.000.000	17.200.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	3.095.890.000	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	20.295.890.000	17.200.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	2.270.400.000

17.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2011	01/01/2011
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	2.029.589	1.720.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	2.029.589	1.720.000
+ Cổ phiếu thường	2.029.589	1.720.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.029.589	1.720.000
+ Cổ phiếu thường	2.029.589	1.720.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	10.000	10.000

17.5 CÁC QUỸ

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	897.094.707	3.992.984.707
Quỹ dự phòng tài chính	545.596.120	545.596.120
	1.442.690.827	4.538.580.827

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)****17.5 CÁC QUỸ (TIẾP)****Mục đích trích lập các quỹ của doanh nghiệp:**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập nhằm bổ sung vốn cho hoạt động công ích, sản xuất kinh doanh của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh.
- Bù đắp các khoản lỗ của Công ty.

18. NGUỒN KINH PHÍ

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	1.754.840.000	736.000.000
Chi sự nghiệp	1.510.430.610	333.681.161
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	244.409.390	402.318.839

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	107.520.569.014	85.809.255.957
	107.520.569.014	85.809.255.957

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	63.374.437.827	60.297.134.620
	63.374.437.827	60.297.134.620

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	122.441.181	436.303.092
Lãi bán ngoại tệ	358.798.239	42.635.049
	481.239.420	478.938.141

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền vay	3.430.126.762	238.761.631
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.322.721.465	1.445.269.650
	7.752.848.227	1.684.031.281

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.918.216.834	6.202.157.821
Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
- Khấu hao TSCĐ không được khấu trừ	8.806.816	-
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	9.927.023.650	6.202.157.821
Thuế suất	25%	25%
Thuế TNDN phải trả ước tính	2.481.755.913	1.550.539.455
Miễn giảm thuế 50%		775.269.727
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.481.755.913	775.269.728

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.953.111.377	6.148.932.393
Chi phí nhân công	56.417.705.332	34.210.979.638
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.216.578.912	1.657.296.937
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.842.773.954	27.560.514.025
Chi phí khác bằng tiền	20.532.412.270	18.836.850.111
	92.962.581.845	88.414.573.104

Trong đó:

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	23.526.355.124	20.899.105.663
	23.526.355.124	20.899.105.663

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***25 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU****25.1 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.436.460.921	5.426.888.093
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ	1.852.317	1.720.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.015	3.155

25.2 LỢI NHUẬN THUẦN THUỘC VỀ CỔ ĐÔNG SỞ HỮU CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong năm	7.436.460.921	5.426.888.093
	7.436.460.921	5.426.888.093

25.3 SỐ CỔ PHIẾU BÌNH QUÂN GIA QUYỀN GIA QUYỀN ĐANG LƯU HÀNH

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	1.720.000	1.720.000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành trong năm	309.589	-
Phát hành ngày 29/07/2011	309.589	-
Tổng số cổ phiếu bình quân gia quyền đang lưu hành tại thời điểm cuối năm	1.852.317	1.720.000

26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**26.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các bên liên quan: Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Theo đó, bên liên quan của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông vận tải là Tổng Công ty Đường Sắt Việt Nam, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng và Thương mại Tổng hợp.

Trong năm, các nghiệp vụ và số dư của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông vận tải với các bên liên quan cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***26. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****26.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)****Giao dịch với các bên liên quan**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Doanh thu với các bên liên quan	5.369.526.699	33.783.596.558
Tổng Công ty Đường Sắt Việt nam	5.369.526.699	33.783.596.558
- Cung cấp dịch vụ tư vấn	5.166.526.699	32.951.596.558
- Cung cấp đề tài NCKH	203.000.000	832.000.000
Mua hàng từ các bên liên quan	3.612.267.221	579.307.034
Công ty CP Đầu tư phát triển hạ tầng và	3.612.267.221	579.307.034
- thương mại tổng hợp		

Số dư với các bên liên quan:

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Các khoản phải thu	2.861.440.307	6.408.380.978
Tổng Công ty Đường Sắt Việt nam	2.861.440.307	5.999.729.778
Công ty CP Đầu tư phát triển hạ tầng và		408.651.200
thương mại tổng hợp		
Người mua trả tiền trước	2.247.937.965	-
Tổng Công ty Đường Sắt Việt nam	2.247.937.965	-
Trả trước cho người bán	10.000.000	10.000.000
Tổng Công ty ĐS Việt nam	10.000.000	10.000.000
Các khoản phải trả	-	4.964.000.000
Tổng Công ty Đường Sắt Việt nam	-	4.964.000.000
Công ty CP Đầu tư phát triển hạ tầng và	1.158.351.736	-
thương mại tổng hợp		
Các khoản vay	3.000.000.000	5.000.000.000
Tổng Công ty Đường Sắt Việt nam	3.000.000.000	5.000.000.000

26.2 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trong Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Đỗ Văn Hạng
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2012

Nguyễn Thị Bạch Diệp
Kế toán trưởng